ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TỦA CHÙA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /BC-UBND	*Tủa Chùa, ngày tháng 6 năm 2023*

BÁO CÁO
Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước năm 2023, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND huyện Tủa Chùa về việc phê duyệt, thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước năm 2023, huyện Tủa Chùa;

Căn cứ Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND huyện Tủa Chùa về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023 huyện Tủa Chùa.

Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn huyện, UBND huyện Tủa Chùa báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

1. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công

Tổng số kế hoạch vốn đầu tư công được giao trong năm 2023: 301.828,942 triệu đồng *(vốn kéo dài sang năm 2023: 8.182,442 triệu đồng)*; thực hiện giải ngân đến ngày 15/6/2023: 107.258,807 triệu đồng, đạt 35,54% kế hoạch vốn giao; ước thực hiện cả năm 2023: 286.617,673 triệu đồng, đạt 94,96% kế hoạch vốn giao, chi tiết cụ thể như sau:

1.1. Vốn ngân sách địa phương

Tổng kế hoạch vốn giao năm 2023: 30.503 triệu đồng, giải ngân đến ngày 15/6/2023: 15.793,487 triệu đồng, đạt 51,78%; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 30.495,731 triệu đồng, đạt 99,98% kế hoạch vốn giao.

a. Cấp tỉnh quản lý:

Kế hoạch vốn giao 13.000 triệu đồng, giải ngân đến 15/6/2023: 4.077,564 triệu đồng, đạt 31,37% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 13.000 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

b. Cấp huyện quản lý:

Kế hoạch vốn giao 17.503 triệu đồng, giải ngân đến 15/6/2023: 11.715,923 triệu đồng, đạt 66,94% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 17.495,731 triệu đồng, đạt 99,96% kế hoạch vốn giao.

1.2. Vốn ngân sách Trung ương

Tổng kế hoạch vốn giao năm 2023: 141.731 triệu đồng, giải ngân đến ngày 15/6/2023: 64.007,49 triệu đồng, đạt 45,16%; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 141.731 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

a. Chương trình mục tiêu phát triển KT-XH các vùng

Kế hoạch vốn giao 70.000 triệu đồng, giải ngân đến 15/6/2023: 47.782,448 triệu đồng, đạt 68,26% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 70.000 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

b. Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La huyện Tủa Chùa

Kế hoạch vốn giao 71.531 triệu đồng, giải ngân đến 15/6/2023: 16.225,04 triệu đồng, đạt 22,68% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 71.531 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

c. Dự án bảo vệ và phát triển rừng

Kế hoạch vốn giao 200 triệu đồng, hiện chưa giải ngân; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 200 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

1.3. Vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia

Tổng kế hoạch vốn giao năm 2023: 129.595,442 triệu đồng *(vốn kéo dài sang năm 2023: 8.182,442 triệu đồng)*, giải ngân đến ngày 15/6/2023: 27.457,835 triệu đồng, đạt 21,19%; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 114.391 triệu đồng, đạt 88,27% kế hoạch vốn giao.

a. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Kế hoạch vốn giao 61.302,442 triệu đồng *(vốn kéo dài sang năm 2023: 8.182,442 triệu đồng)*, giải ngân đến 15/6/2023: 5.215,718 triệu đồng, đạt 8,51% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 61.302,442 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao.

b. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Kế hoạch vốn giao 18.500 triệu đồng, giải ngân đến 15/6/2023: 13.224,642 triệu đồng, đạt 71,48% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 18.341 triệu đồng, đạt 99,14% kế hoạch vốn giao.

c. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Kế hoạch vốn giao 49.793 triệu đồng, giải ngân đến 15/6/2023: 9.017,475 triệu đồng, đạt 18,11% kế hoạch vốn giao; ước giải ngân đến ngày 31/12/2023: 18.341 triệu đồng, đạt 69,78% kế hoạch vốn giao.

2. Đánh giá chung

2.1. Những kết quả đạt được

- Trong 6 tháng đầu năm 2023, UBND huyện đã chỉ đạo quyết liệt trong công tác giải ngân vốn đầu tư công đã được giao do vậy công tác giải ngân vốn đầu tư đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn thấp so với kế hoạch vốn được giao (tỷ lệ giải ngân đạt 34,90% kế hoạch vốn giao);

- Công tác bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2023 cho các dự án, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí theo hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, phù hợp với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm của huyện.

- Công tác quản lý nhà nước về đầu tư công được chú trọng, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định; công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư; dự án; thiết kế kỹ thuật, dự toán đảm bảo quy trình, quy định, đáp ứng yêu cầu, khả năng cân đối nguồn vốn; công tác đấu thầu được thực hiện đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh trong đấu thầu, lựa chọn được nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng được yêu cầu về tiến độ gói thầu và chất lượng công trình;

- Các chủ đầu tư đã chủ động phối hợp với các phòng ban, đơn vị liên quan giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư; công tác giải phóng mặt bằng cơ bản đảm bảo tiến độ thực hiện.

2.2. Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân

- Việc thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành đối với một số dự án sử dụng nguồn vốn NSTW phức tạp, thời gian hoàn thiện thủ tục kéo dài đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện dự án;

- Một số nguồn vốn được bố trí chủ yếu cho các dự án khởi công mới năm 2023. Hiện các dự án này đang trong thời gian lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng và triển khai thi công xây lắp do vậy chưa có khối lượng để giải ngân;

- 05 dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã được phê duyệt báo cáo KTKT nhưng không thể triển khai thi công được *(do không có mặt bằng thi công)* dẫn đến không thể giải ngân được;

- Địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn đặc biệt là vào mùa mưa cũng gây ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện các dự án trên địa bàn.

II. GIẢI PHÁP ĐỂ TRIỂN KHAI CÓ HIỆU QUẢ VÀ THỰC HIỆN THÀNH CÔNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM

- Tiếp tục thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh về giải ngân vốn đầu tư công; tăng cường kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân; kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn của các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp sang các dự án có khả năng tốt hơn;

- Làm tốt công tác tuyên truyền cho cán bộ, người dân và đặc biệt là người nghèo hiểu rõ hơn về các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong việc đầu tư, xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn. Người dân được nâng cao về nhận thức, thấy được lợi ích từ các công trình, dự án đầu tư giúp cho thực hiện các hoạt động sản xuất, ổn định đời sống, nâng cao thu nhập để từng bước thoát nghèo;

- Chủ động tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công. Phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi đôn đốc tiến độ thực hiện, giải ngân và kịp thời tháo gỡ khó khăn của từng dự án, đặc biệt là các dự án vướng mắc trong công tác GPMB;

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo quyết liệt việc giải ngân vốn đầu tư; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát nâng cao chất lượng thi công xây dựng công trình; phấn đấu 100% công trình, dự án *(đủ điều kiện)* đảm bảo hoàn thành và giải ngân 100% kế hoạch giao, nhằm sớm đưa công trình, dự án vào khai thác, sử dụng phát huy hiệu quả đầu tư;

- Đối với các dự án đã hoàn thành và dự kiến hoàn thành năm 2023: Tập trung hoàn thiện các hạng mục công trình, hoàn tất công tác nghiệm thu, thanh toán và giải ngân vốn cho các nhà thầu; khẩn trương lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trình cơ quan thẩm tra, phê duyệt theo đúng quy định;

- Đối với dự án chuyển tiếp: Tăng cường đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công, tập trung hoàn thiện các thủ tục pháp lý, nghiệm thu khối lượng hoàn thành để đủ điều kiện thanh toán cho các nhà thầu.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2023 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Tủa Chùa *(UBND huyện đã đề nghị điều chỉnh tại: Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 14/3/2023 của UBND huyện Tủa Chùa về việc đề xuất, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn NSNN năm 2023 còn lại chưa phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi trên địa bàn huyện Tủa Chùa; Báo cáo số 240/BC-UBND ngày 31/5/2023 của UBND huyện Tủa Chùa về việc rà soát nhu cầu sự dụng vốn thực hiện của các dự án và đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2023 trên địa bàn huyện Tủa Chùa).*

Trên đây là Báo cáo đánh giá tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn huyện Tủa Chùa./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Điện Biên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên;
- Sở Tài chính tỉnh Điện Biên;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các ban của HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, phòng, ban, đoàn thể huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang Cổng TT ĐT huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lường Tuấn Anh

Biểu mẫu I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 VÀ ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2023					Tỷ lệ giải ngân năm 2023 đến 12/6/2023 (%)	Ghi chú
		Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2023	Giải ngân từ 1/1/2023 đến 15/6/2023	Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023	Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
	TỔNG SỐ	**293.647**	**8.182,442**	**107.258,807**	**159.608,522**	**286.617,673**	**35,54%**	
1	**Vốn NSNN**	**293.647**	**8.182,442**	**107.258,807**	**159.608,522**	**286.617,673**	**35,54%**	
	Trong đó:							
1.1	***Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương***	***30.503***		***15.793,487***	***21.138,229***	***30.495,731***	***51,78%***	
	Trong đó:							
-	Ngân sách Tỉnh quản lý	13.000		4.077,564	8.422,44	13.000	31,37%	
-	Ngân sách Huyện quản lý	17.503		11.715,923	12.715,793	17.495,731	66,94%	
1.2	***Vốn ngân sách trung ương***	***141.731***		***64.007,49***	***85.390,34***	***141.731***	***45,16%***	
-	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng	70.000		47.782,448	50.000	70.000	68,26%	
-	Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La huyện Tủa Chùa	71.531		16.225,04	35.390,34	71.531	22,68%	
-	Dự án bảo vệ và phát triển rừng	200		-	-	200	0%	
1.3	***Vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia***	***121.413***	***8.182,442***	***27.457,835***	***53.080***	***114.391***	***21,19%***	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	53.120	8.182,442	5.215,718	22.505,96	61.302,442	8,51%	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	18.500		13.224,642	14.000,00	18.341	71,48%	

STT	Nguồn vốn	Năm 2023					Tỷ lệ giải ngân năm 2023 đến 12/6/2023 (%)	Ghi chú
		Kế hoạch vốn năm 2023	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2023	Giải ngân từ 1/1/2023 đến 15/6/2023	Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023	Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023		
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	49.793		9.017,475	16.574,00	34.748	18,11%	

Biểu mẫu II

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 VÀ ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2023								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 15/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG SỐ						**178.667**	**116.277**	**30.503**	**30.503**	**15.793**	**15.793**	**21.138**	**21.138**	**30.496**	**30.496**	**56.251**	**56.251**	
A	**CẤP TỈNH QUẢN LÝ**						**62.390**	**35.000**	**13.000**	**13.000**	**4.078**	**4.078**	**8.422**	**8.422**	**13.000**	**13.000**	**18.000**	**18.000**	
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023**						**62.390**	**35.000**	**13.000**	**13.000**	**4.078**	**4.078**	**8.422**	**8.422**	**13.000**	**13.000**	**18.000**	**18.000**	
1	Xây dựng trường PTDT bán trú tiểu học xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	C	Xã Mường Đun		2021-2023	3227 ngày 14/12/2021	22.400	20.000	5.000	5.000	77,564	77,564	2.422	2.422	5.000	5.000	5.000	5.000	
2	Nâng cấp các tuyến đường nội thị thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	C	Thị trấn		2021-2023	3140 ngày 30/11/2021	25.000	10.000	4.000	4.000	4000	4000	4.000	4.000	4.000	4.000	9.000	9.000	
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà khách Huyện ủy - HĐND và UBND huyện Tủa Chùa	C	Thị trấn		2021-2023	3228 ngày 14/12/2021	14.990	5.000	4.000	4.000	0		2.000	2.000	4.000	4.000	4.000	4.000	
B	**CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**						**116.277**	**81.277**	**17.503**	**17.503**	**11.716**	**11.716**	**12.716**	**12.716**	**17.496**	**17.496**	**38.251**	**38.251**	
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023**						**81.380**	**46.380**	**16.503**	**16.503**	**11.716**	**11.716**	**12.716**	**12.716**	**16.496**	**16.496**	**37.251**	**37.251**	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2023								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 15/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	
1	Xây dựng trường PTDT bán trú tiểu học xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	C	Xã Mường Đun		2021-2023	3227 ngày 14/12/2021	22.400	2.400	-		0				-	-	500	500	
2	Nâng cấp các tuyến đường nội thị thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	C	Thị trấn		2021-2023	3140 ngày 30/11/2021	25.000	15.000	5.000	5.000	4093,254	#######	4.600	4.600	5.000	5.000	11.149	11.149	
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà khách Huyện ủy - HĐND và UBND huyện Tủa Chùa	C	Thị trấn		2021-2023	3228 ngày 14/12/2021	14.990	9.990	3.702	3.702	828,938	828,938	1.022	1.022	3.702	3.702	7.612	7.612	
4	Trường mầm non Thị trấn Tủa Chùa (Giai đoạn 2)	C	Thị trấn		2021-2023	550 ngày 08/6/2021	14.990	14.990	6.801	6.801	6.793,73	6.793,73	6.793,73	6.793,73	6.793,73	6.793,73	13.990	13.990	
5	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa đến năm 2035		Thị trấn		2021-2023	1910 ngày 20/10/2021	4.000	4.000	1.000	1.000			300	300	1.000	1.000	4.000	4.000	
(2)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024**						**12.500**	**12.500**	**1.000**	**1.000**	-	-	-	-	**1.000**	**1.000**	**1.000**	**1.000**	
1	Xây dựng điểm du lịch Đông Phi, thị trấn Tủa Chùa	C	Thị trấn		2023-2025		12.500	12.500	1.000	1.000					1.000	1.000	1.000	1.000	
(3)	**Các dự án khởi công mới năm 2024**						**12.500**	**12.500**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Khu xử lý chất thải rắn huyện Tủa Chùa		Huyện Tủa Chùa		2024-2025		8.500	8.500											
2	Xây dựng quy chế quản lý đô thị, định vị, cắm mốc giới quy hoạch (theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt)		Huyện Tủa Chùa		2024-2025		2.000	2.000											

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2023								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 15/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	
3	Quy hoạch chi tiết một số khu thuộc Thị trấn Tủa Chùa (sau khi điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính)		Thị trấn		2024-2025		2.000	2.000											
(4)	**Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2024**						**9.897**	**9.897**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Trụ sở Đảng ủy - HĐND và UBND xã Huổi Só		Xã Huổi Só		2024-2025		7.000	7.000											
2	Trùng tu, tôn tạo kiến trúc thành Vàng Lồng xã Tả Phìn		Xã Tả Phìn		2024-2025		2.897	2.897											

Biểu mẫu III

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 VÀ ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2023								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 15/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG SỐ																		
A	**Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng**						**183.000**	**183.000**	**70.000**	**70.000**	**47.782**	**47.782**	**50.000**	**50.000**	**70.000**	**70.000**	**135.000**	**135.000**	
(1)	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024**						**183.000**	**183.000**	**70.000**	**70.000**	**47.782**	**47.782**	**50.000**	**50.000**	**70.000**	**70.000**	**135.000**	**135.000**	
1	Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn, huyện Tủa Chùa	B	Thị trấn, Sính Phình, Tả Phìn		2021-2024	976 ngày 30/5/2021	183.000	183.000	70.000	70.000	47.782,448	47.782,448	50.000	50.000	70.000	70.000	135.000	135.000	
B	**Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La huyện Tủa Chùa**						**255.295**	**255.295**	**71.531**	**71.531**	**16.225**	**16.225**	**35.390**	**35.390**	**71.531**	**71.531**	**71.531**	**71.531**	
1	Đường giao thông khu tái định cư Huổi lực, thị trấn Tủa Chùa	C	Thị trấn		2023-2025	2104 ngày 14/11/2022	6.800	6.800	2.040	2.040	376,076	376,076	1.020	1.020	2.040	2.040	2.040	2.040	
2	Đường sản xuất điểm dân cư Huổi Trăng (Đường ra khu sản xuất Huổi Trăng), xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2023-2025	892 ngày 11/5/2022	9.692	9.692	2.908	2.908	2.896,066	2.896,066	2.908	2.908	2.908	2.908	2.908	2.908	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2023								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 15/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
3	Đường giao thông nội bản Khu tái định cư Tà Huổi Tráng - Tà Si Láng, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2023-2025	2021 ngày 03/11/2022	6.000	6.000	5.400	5.400	1.500	1.500	2.700	2.700	5.400	5.400	5.400	5.400	
4	Đường giao thông nội bản khu tái định cư Huổi Lóng, xã Huổi Só	C	Xã Huổi Só		2023-2025	1887 ngày 11/10/2022	11.200	11.200	2.240	2.240	2.240	2.240	2.240	2.240	2.240	2.240	2.240	2.240	
5	Đường Đề Chu - Tủa Thàng, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2023-2025	2166 ngày 25/11/2022	46.000	46.000	9.200	9.200	1.299,128	1.299,128	3.301	3.301	9.200	9.200	9.200	9.200	
6	Đường Tà Si Láng - Pắc Na, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2023-2025	592 ngày 23/4/2021	28.000	28.000	5.600	5.600	454,517	454,517	2.800	2.800	5.600	5.600	5.600	5.600	
7	Đường UBND xã Huổi Só - khu TĐC Huổi Lóng, xã Huổi Só	C	Xã Huổi Só		2023-2025	2167 ngày 25/11/2022	21.500	21.500	4.300	4.300	373,719	373,719	1.776	1.776	4.300	4.300	4.300	4.300	
8	Thuỷ lợi Huổi Trẳng, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2023-2025	813 ngày 27/5/2021	3.000	3.000	2.700	2.700	195,230	195,230	1.350	1.350	2.700	2.700	2.700	2.700	
9	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư Tà Si Láng, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2023-2025	759 ngày 20/5/2021	1.600	1.600	1.440	1.440	444,464	444,464	720	720	1.440	1.440	1.440	1.440	
10	Cấp nước sinh hoạt điểm dân cư số 4, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2023-2025	2199 ngày 30/11/2022	2.462	2.462	2.216	2.216	171,053	171,053	1.108	1.108	2.216	2.216	2.216	2.216	
11	Đường giao thông Tả Phìn - Huổi Só - Sông Đà	C	Các xã: Tả Phìn, Huổi Só		2023-2025	2168 ngày 25/11/2022	93.900	93.900	18.780	18.780	2.511,267	2.511,267	7.394	7.394	18.780	18.780	18.780	18.780	
12	Đường giao thông Huổi Só - Háng Pàng - Páo Tỉnh Làng xã Tả Sìn Thàng	C	Xã Tả Sìn Thàng		2023-2025	2170 ngày 25/11/2022	7.000	7.000	2.100	2.100	1.304,680	1.304,680	1.500	1.500	2.100	2.100	2.100	2.100	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2023								Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 15/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
13	Đường giao thông Huổi Lóng đến thôn Huổi Ca, xã Huổi Só	C	Xã Huổi Só		2023-2025	894 ngày 11/5/2022	6.200	6.200	1.860	1.860	1.000	1.000	1.200	1.200	1.860	1.860	1.860	1.860	
14	Đường sản xuất cụm dân cư Tà Si Láng, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2023-2025	891 ngày 11/5/2022	3.431	3.431	3.088	3.088	-	-	1.544	1.544	3.088	3.088	3.088	3.088	
15	Thủy lợi bản Làng Giang , xã Sín Chải	C	Xã Sín Chải		2023-2025	737 ngày 17/5/2021	5.000	5.000	4.500	4.500	1.000	1.000	2.250	2.250	4.500	4.500	4.500	4.500	
16	Cấp nước sinh hoạt cụm Pa Phông thuộc khu tái định cư Huổi Lóng, xã Huổi Só	C	Xã Huổi Só		2023-2025	693 ngày 11/5/2022	560	560	504	504	-	-	252	252	504	504	504	504	
17	Cấp nước sinh hoạt thôn Huổi Ca thuộc khu tái định cư Huổi Lóng, xã Huổi Só	C	Xã Huổi Só		2023-2025	820 ngày 27/5/2021	1.900	1.900	1.710	1.710	459	459	855	855	1.710	1.710	1.710	1.710	
18	Cấp nước sinh hoạt điểm bản Làng Giang, xã Sín Chải	C	Xã Sín Chải		2023-2025	738 ngày 17/5/2021	1.050	1.050	945	945	-	-	473	473	945	945	945	945	
C	**Dự án bảo vệ và phát triển rừng**						**600**	**600**	**200**	**200**	**0**	**0**	**0**	**0**	**200**	**200**	**400**	**400**	
(1)	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024**						**600**	**600**	**200**	**200**	**0**	**0**	**0**	**0**	**200**	**200**	**400**	**400**	
1	Phát triển lâm sản ngoài gỗ		Huyện Tủa Chùa		2022-2024	945 ngày 28/5/2021	600	600	200	200					200	200	400	400	

Biểu mẫu IV

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 VÀ ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2023										Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2023		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 15/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
	TỔNG SỐ						**282.952**	**282.952**	**121.413**	**121.413**	**8.182**	**8.182**	**27.458**	**27.458**	**53.080**	**53.080**	**110.566**	**110.566**	**211.919**	**211.919**	
A	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**						**178.490**	**178.490**	**53.120**	**53.120**	**8.182**	**8.182**	**5.216**	**5.216**	**22.506**	**22.506**	**57.477**	**57.477**	**112.131**	**112.131**	
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023**						**129.990**	**129.990**	**51.620**	**51.620**	**8.182**	**8.182**	**4.916**	**4.916**	**21.606**	**21.606**	**55.977**	**55.977**	**110.631**	**110.631**	
1	Đường giao thông bến thủy Huổi Trắng, Huổi Só, Mường Lay	C	Xã Tủa Thàng		2022-2023	1412 ngày 13/8/2022	30.000	30.000	12.640	12.640	1.519	1.519			4.000	4.000	12.640	12.640	14.640	14.640	
2	Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Đề Dê Hu - Sính Phình	C	Thị trấn, xã Sính Phình		2022-2023	1413 ngày 13/8/2022	20.000	20.000	5.980	5.980	1.184	1.184	2.894,952	2.894,952	2.959	2.959	5.980	5.980	19.001	19.001	
3	Nước sinh hoạt trung tâm xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa	C	Xã Trung Thu		2022-2023	1867 ngày 10/8/2022 của UBND huyện	14.990	14.990			4.357	4.357	1.909,741	1.909,741	2.200	2.200	4.357	4.357	14.990	14.990	
4	Sân Vận động Huyện Tủa Chùa	C	Thị trấn		2022-2023	1415 ngày 13/8/2022	35.000	35.000	18.000	18.000	1.123	1.123	58,154	58,154	5.000	5.000	18.000	18.000	33.000	33.000	
5	Tuyến đường Tả Sìn Thàng - Páo Tình Làng - Sáng Tớ đi Sín Chải, Huổi Só	C	Các xã Tả Xìn Thàng, Sín Chải		2022-2023	1414 ngày 13/8/2022	30.000	30.000	15.000	15.000			52,871	52,871	7.447	7.447	15.000	15.000	29.000	29.000	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2023										Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2023		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 15/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
(2)	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024**						**48.500**	**48.500**	**1.500**	**1.500**			**300**	**300**	**900**	**900**	**1.500**	**1.500**	**1.500**	**1.500**	
1	Nâng cấp tuyến đường Pàng Dề (Xá Nhè) - Phình Sáng, Tuần Giáo	C	Xã Xá Nhè		2023-2025		18.000	18.000	500	500					250	250	500	500	500	500	
2	Nâng cấp tuyến đường Lầu Câu Phình (xã Lao Xả Phình) - Làng Sảng (xã Tả Sìn Thàng)	C	Các xã Lao Xả Phình, Tả Sìn Thàng		2023-2025	2952/QĐ-UBND 06/12/2022	8.500	8.500	300	300			300	300	300	300	300	300	300	300	
3	Nâng cấp tuyến đường Xá Nhè - Mường Đun	C	Các xã Xá Nhè, Mường Đun		2023-2025	2953/QĐ-UBND 06/12/2022	14.000	14.000	400	400					200	200	400	400	400	400	
4	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Tả Phìn, Tả Sìn Thàng và các bản lân cận	C	Các xã Tả Phìn, Tả Sìn Thàng		2023-2025	2954/QĐ-UBND 06/12/2022	8.000	8.000	300	300					150	150	300	300	300	300	
B	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**						**18.341**	**18.341**	**18.500**	**18.500**			**13.225**	**13.225**	**14.000**	**14.000**	**18.341**	**18.341**	**18.500**	**18.500**	
(1)	**Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023**						**18.341**	**18.341**	**18.500**	**18.500**			**13.225**	**13.225**	**14.000**	**14.000**	**18.341**	**18.341**	**18.500**	**18.500**	
1	Nâng cấp đường liên thôn từ Kế Cải - Từ Ngài 2 - Từ Ngài 1 - Háng Trở	C	Xã Mường Báng		2023-2024	2955 ngày 06/12/2022	14.000	14.000	14.000	14.000			9.368,387	9.368,387	10.000	10.000	14.000	14.000	14.000	14.000	
2	Nâng cấp đường liên thôn Đông Phi - Háng Tơ Mang, xã Mường Báng	C	Xã Mường Báng		2023-2024	2956 ngày 06/12/2022	4.341	4.341	4.500	4.500			3.856,255	3.856,255	4.000	4.000	4.341	4.341	4.500	4.500	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2023										Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2023		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 15/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
C	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**						**86.121**	**86.121**	**49.793**	**49.793**			**9.017**	**9.017**	**16.574**	**16.574**	**34.748**	**34.748**	**81.288**	**81.288**	
(1)	**Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023**						**61.043**	**61.043**	**29.548**	**29.548**			**7.506**	**7.506**	**14.774**	**14.774**	**29.548**	**29.548**	**61.043**	**61.043**	
1	Đường trung tâm xã Mường Đun - Bản Hột	C	Xã Mường Đun		2022-2023	235 ngày 08/2/2022	14.990	14.990	7.495	7.495					3.748	3.748	7.495	7.495	14.990	14.990	
2	Tuyến đường từ Sính Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (Trung tâm xã Trung Thu đi Bản Phô - Cáng Phình), huyện Tủa Chùa	C	Các xã: Trung Thu, Lao Xả Phình		2022-2023	3229 ngày 14/12/2021	20.000	20.000	10.000	10.000			2.736,102	2.736,102	5.000	5.000	10.000	10.000	20.000	20.000	
3	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng		2022-2023	3363 ngày 30/12/2021	12.853	12.853	5.853	5.853			2.304,586	2.304,586	2.927	2.927	5.853	5.853	12.853	12.853	
4	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Sính Phình	C	Xã Sính Phình		2022-2023	3363 ngày 30/12/2021	13.200	13.200	6.200	6.200			2.465,480	2.465,480	3.100	3.100	6.200	6.200	13.200	13.200	
(2)	**Dự án khởi công mới năm 2023**						**5.200**	**5.200**	**6.800**	**6.800**			**1.511**	**1.511**	**1.800**	**1.800**	**5.200**	**5.200**	**6.800**	**6.800**	
1	Nước sinh hoạt thôn 3, xã Lao Xả Phình, huyện Tủa Chùa	C	Xã Lao Xả Phình		2023-2024	2939 ngày 06/12/2022	2.600	2.600	2.800	2.800			848,512	848,512	1.000	1.000	2.600	2.600	2.800	2.800	
2	Chợ Huổi Lóng xã Huổi Só	C	Xã Huổi Só		2023-2024	2949 ngày 06/12/2022	2.600	2.600	4.000	4.000			662,795	662,795	800	800	2.600	2.600	4.000	4.000	
(3)	**Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023**						**19.878**	**19.878**	**13.445**	**13.445**			**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**13.445**	**13.445**	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Năm 2023										Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2023		Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2023		Giải ngân từ 1/1/2023 đến 15/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 30/6/2023		Ước giải ngân từ 1/1/2023 đến 31/12/2023				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
1	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Huổi só, xã Huổi Só	C	Xã Huổi Só		2023-2024	2940 ngày 06/12/2022	9.373	9.373	5.000	5.000									5.000	5.000	
2	Cấp nước sinh hoạt bản Huổi só, xã Huổi Só	C	Xã Huổi Só		2023-2024	2941 ngày 06/12/2022	2.335	2.335	2.335	2.335									2.335	2.335	
3	Thoát nước thải, vệ sinh môi trường bản Huổi só, xã Huổi Só	C	Xã Huổi Só		2023-2024	2942 ngày 06/12/2022	1.830	1.830	1.830	1.830									1.830	1.830	
4	Cấp điện sinh hoạt bản Huổi só, xã Huổi Só	C	Xã Huổi Só		2023-2024	2943 ngày 06/12/2022	4.060	4.060	2.000	2.000									2.000	2.000	
5	Hạ tầng thông tin và truyền thông bản Huổi só, xã Huổi Só	C	Xã Huổi Só		2023-2024	2944 ngày 06/12/2022	2.280	2.280	2.280	2.280									2.280	2.280	